

Số: 0985/2024/QĐST-VHNGĐ

P, ngày 05 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83,
Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy
ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và
sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày
23/8/2024;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số
0867/2024/TLST-VHNGĐ ngày 16/8/2024 về việc “Thuận tình ly hôn”, gồm
những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1/ Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: 2 P, Phường A, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Phạm Hoàng P, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 2 P, Phường A, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 36
ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân phường A, quận P, Thành phố
Hồ Chí Minh có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Hoàng P và bà
Nguyễn Thị Cẩm H là hợp pháp. Ông Phạm Hoàng P và bà Nguyễn Thị Cẩm H
thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung:

Căn cứ vào Giấy khai sinh số 94, ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định ông Phạm Hoàng P và bà Nguyễn Thị Cẩm H có con chung tên Phạm Gia P1, sinh ngày 05/10/2023.

Căn cứ vào Bản sao Trích lục khai sinh số 398/TLKS-BS, ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định ông Phạm Hoàng P và bà Nguyễn Thị Cẩm H có con chung tên Phạm Gia P2, sinh ngày 23/09/2019.

Ông Phạm Hoàng P và bà Nguyễn Thị Cẩm H cùng thống nhất giao con chung là Phạm Gia P2 và Phạm Gia P1 cho bà Nguyễn Thị Cẩm H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phạm Hoàng P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 8.000.000 đồng/tháng/2 trẻ, việc cấp dưỡng sẽ được thực hiện vào ngày 15 hàng tháng và bắt đầu từ tháng 09/2024

[3] Về Tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Hoàng P và bà Nguyễn Thị Cẩm H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về các vấn đề khác: Ông Phạm Hoàng P và bà Nguyễn Thị Cẩm H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Hoàng P và bà Nguyễn Thị Cẩm H phải chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[6] Xét thấy các đương sự thật sự tự nguyện ly hôn. Việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Hoàng P và bà Nguyễn Thị Cẩm H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Phạm Hoàng P và bà Nguyễn Thị Cẩm H có 02 con chung tên Phạm Gia P2 sinh ngày 23/09/2019 và Phạm Gia P1, sinh ngày 05/10/2023.

- Giao 02 con chung tên **Phạm Gia P2** sinh ngày 23/09/2019 và **Phạm Gia P1**, sinh ngày 05/10/2023 cho bà **Nguyễn Thị Cẩm H** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Ông **Phạm Hoàng P** phải đóng góp nuôi con với bà **Nguyễn Thị Cẩm H** số tiền là 8.000.000 đồng/tháng (Tám triệu đồng một tháng) cho đến khi 2 cháu **Phạm Gia P2** và **Phạm Gia P1** thành niên (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng cho con được thực hiện vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 09/2024.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông **Phạm Hoàng P** và bà **Nguyễn Thị Cẩm H** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông **Phạm Hoàng P** và bà **Nguyễn Thị Cẩm H** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông **Phạm Hoàng P** và bà **Nguyễn Thị Cẩm H** mỗi người chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0029758 ngày 09/08/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận. Ông **Phạm Hoàng P** và bà **Nguyễn Thị Cẩm H** đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được

thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN

- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND quận PN;
- CC THADS quận PN;
- UBND Phường 1, quận PN;
- Lưu: VP, hồ sơ.

Nguyễn Lê Hoàng Yến